

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng gần 23 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,338.11 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Tiện ích. Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông và Bất động sản giảm nhẹ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên hai sàn còn lại. Phiên tăng điểm hôm nay có thanh khoản không lớn, cho thấy tâm lý thị trường vẫn còn e dè. Chỉ số có thể tiếp tục tăng theo quán tính lên 1,350 tuy nhiên có thể kèm theo rung lắc. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 16/06/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+22.62** điểm, đóng cửa tại **1338.11** điểm. HNX-Index **+3.30** điểm, đóng cửa tại **228.12** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+2.58)**, **VPL (+2.54)**, **TCB (+1.84)**, **FPT (+1.25)**, **VPB (+1.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.92)**, **HVN (-0.10)**, **VIC (-0.09)**, **STG (-0.04)**, **BHN (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19,297** tỷ đồng, giảm **-25.97%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,081 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 31.29 điểm. Thị trường có **233** mã tăng, 57 mã tham chiếu, **81** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **985.31** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (314.22 tỷ)**, **VPB (204.04 tỷ)**, **HPG (181.25 tỷ)**, **NVL (116.68 tỷ)**, **MWG (111.16 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.94** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+2.15%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+5.75%) [\(Link báo cáo\)](#)
DGC (+5.72%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+5.41%)
- BSC50 **+2.22%**. Các mã diễn biến tích cực:
GAS (+6.99%) [\(Link báo cáo\)](#)
PLX (+6.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVD (+6.85%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	2.15%	2.22%	1.72%	1.37%
1 tuần	2.47%	-0.19%	2.10%	1.70%
1 tháng	3.50%	2.67%	2.82%	2.59%
3 tháng	-3.64%	-4.47%	0.54%	2.28%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,338.11	228.12	98.10
% 1D	1.72%	1.47%	0.57%
GTKL (tỷ VND)	19,297	1,405	532
%1D	-25.97%	-49.13%	-40.07%
GDNN (tỷ VND)	985.31	-4.94	-15.91

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	314.22	STB	-65.48
VPB	204.04	VCI	-56.80
HPG	181.25	PVD	-54.30
NVL	116.68	HVN	-42.53
MWG	111.16	VHM	-39.80

Thị trường thế giới

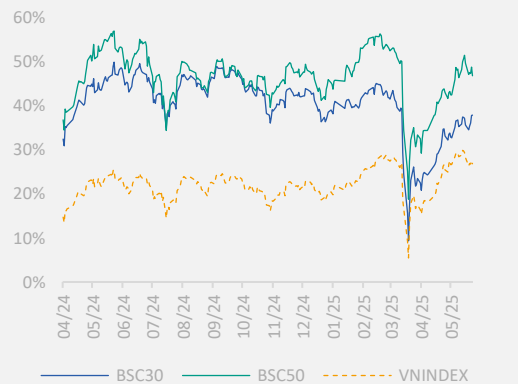
		%D	%W
SPX	5,977	-1.13%	-0.39%
FTSE100	8,886	0.39%	0.60%
Eurostoxx	5,312	0.61%	-2.01%
Shanghai	3,389	0.35%	-0.28%
Nikkei	38,311	1.26%	0.66%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	73.62	-0.83%
Giá vàng	3,416	-1.07%
Tỷ giá		
USD/VND	26,242	0.07%
EUR/VND	30,869	0.18%
JPY/VND	185	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.00%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

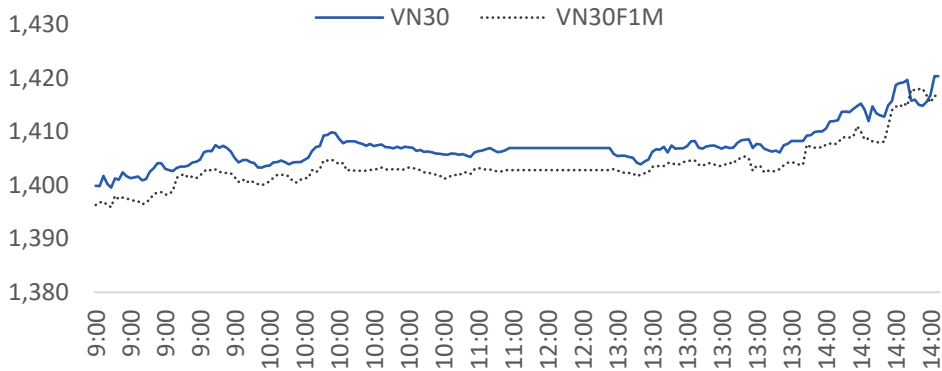
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1409.60	1.42%	171	3.6%	18/09/2025	94
VN30F2512	1409.40	1.40%	60	-66.3%	18/12/2025	185
4111F7000	1415.50	1.62%	5,137	228.5%	17/07/2025	31
VN30F2506	1416.70	1.49%	172,672	-34.3%	19/06/2025	3

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	119.00	3.12%	4.14
TCB	32.30	3.53%	3.21
HPG	26.75	1.33%	1.78
MWG	64.30	1.74%	1.78
VPB	18.80	3.58%	1.64

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	67.40	-1.46%	-1.40
VIC	85.40	-0.12%	-0.16
VJC	87.80	-0.23%	-0.09
VRE	24.50	-0.20%	-0.06

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định

- VN30 +19.15 điểm, đóng cửa tại 1420.35 điểm. Biên độ dao động 39.07 điểm. Các cổ phiếu như FPT, TCB, HPG, MWG, VPB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Thị trường hồi phục từ tâm lý hưng phấn của nhà đầu tư, VN30 đóng cửa trong sắc xanh với thanh khoản nằm gần ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong bối cảnh chờ đợi thêm thông tin về thuế quan, xung đột địa chính trị có thể khiến thị trường gia tăng xác suất kiểm định vùng đỉnh lịch sử.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2507	30/06/2025	14	23,700	-88.41%	2.96	70	133.3%	11.90	3.10	26.75	26.75
CMWG2410	30/06/2025	14	168,500	-88.37%	7.08	40	100.0%	5.72	7.48	64.30	64.30
CVPB2507	21/07/2025	35	410,000	-86.11%	2.07	280	47.4%	8.60	2.61	18.80	18.80
CVPB2407	28/07/2025	42	1,323,700	-87.17%	2.10	80	33.3%	4.29	2.41	18.80	18.80
CMSN2507	20/10/2025	126	15,300	-80.54%	7.80	520	26.8%	5.91	13.00	66.80	66.80
CVPB2501	27/10/2025	133	3,189,400	-80.87%	2.00	820	26.2%	8.65	3.60	18.80	18.80
CVPB2506	6/10/2025	112	196,700	-82.63%	2.02	640	25.5%	8.63	3.27	18.80	18.80
CMSN2505	21/07/2025	35	185,400	-86.03%	7.33	200	25.0%	5.95	9.33	66.80	66.80
CVPB2509	19/11/2025	156	12,500	-80.69%	2.27	700	25.0%	8.51	3.63	18.80	18.80
CMWG2501	26/06/2025	10	458,600	-86.39%	6.20	510	24.4%	11.62	8.75	64.30	64.30
CTCB2406	30/06/2025	14	17,300	-77.56%	2.80	890	23.6%	5.90	7.25	32.30	32.30
CMWG2406	28/07/2025	42	1,432,000	-85.19%	6.60	730	21.7%	14.43	9.52	64.30	64.30
CHPG2408	28/07/2025	42	848,000	-84.82%	2.70	340	21.4%	6.02	4.06	26.75	26.75
CSHB2504	19/11/2025	156	261,400	-72.86%	1.34	1,150	21.1%	6.12	3.56	13.10	13.10
CFPT2405	14/08/2025	59	146,000	-83.77%	13.41	600	20.0%	10.73	19.31	119.00	119.00
CHPG2511	21/07/2025	35	178,800	-86.51%	2.89	180	20.0%	5.97	3.61	26.75	26.75
CVPB2505	30/06/2025	14	1,600	-87.90%	2.10	180	20.0%	17.16	2.28	18.80	18.80
CMSN2406	4/11/2025	141	413,600	-83.59%	7.90	510	18.6%	9.84	10.96	66.80	66.80
CMSN2404	28/07/2025	42	2,102,400	-87.40%	7.90	130	18.2%	14.74	8.42	66.80	66.80
CMSN2508	19/11/2025	156	1,800	-80.27%	7.98	520	18.2%	5.90	13.18	66.80	66.80

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 16/06/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 133.33%. CVHM2406 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.93%.
- CMBB2407, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CSTB2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	68.90	6.99%	2.58	2.34
VPL	94.00	6.58%	2.54	1.79
TCB	32.30	3.53%	1.84	7.06
FPT	119.00	3.12%	1.25	1.47
VPB	18.80	3.58%	1.22	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	36.80	5.75%	0.63	0.48
NTP	79.20	5.74%	0.41	0.14
MBS	27.10	2.65%	0.26	0.57
SHS	13.10	2.34%	0.17	0.89
NVB	11.40	1.79%	0.15	1.17

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	68.90	6.99%	2.57	3.28
SGR	30.00	6.95%	0.03	3.69
DCL	28.55	6.93%	0.03	2.89
PLX	40.30	6.90%	0.80	5.74
PIT	7.61	6.88%	0.00	0.05

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	40.80	9.97%	0.14	0.35
HEV	14.50	9.85%	0.01	0.00
HMH	16.00	9.59%	0.07	0.00
KDM	16.20	9.46%	0.04	0.04
BPC	11.60	9.43%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	67.40	-1.46%	-0.92	4.11
HVN	37.90	-0.52%	-0.10	2.21
VIC	85.40	-0.12%	-0.09	3.88
STG	34.60	-4.81%	-0.04	0.10
BHN	36.00	-1.64%	-0.03	0.23

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	168.70	-1.35%	-0.29	0.20
DTK	12.00	-2.44%	-0.13	0.68
THD	27.50	-1.79%	-0.12	0.38
TD6	10.00	-14.53%	-0.06	0.06
HGM	272.30	-1.30%	-0.03	0.01

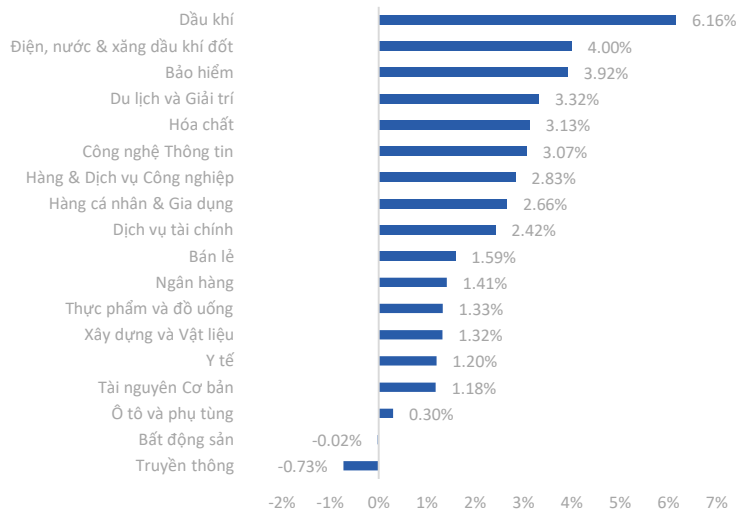
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVT	7.78	-6.15%	-0.01	0.00
STG	34.60	-4.81%	-0.04	0.00
SC5	16.00	-4.76%	0.00	0.00
TMT	11.80	-3.67%	0.00	0.01
SAV	17.10	-3.39%	0.00	0.15

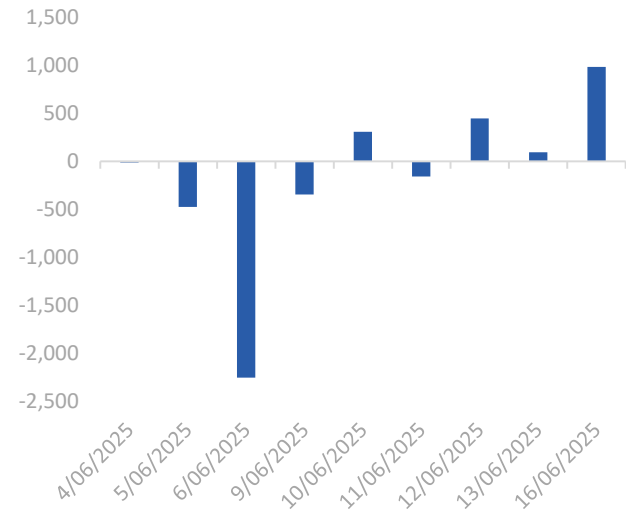
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NHC	18.10	-9.50%	-0.02	0.00
BXH	13.50	-9.40%	-0.01	0.00
PTX	18.50	-9.31%	-0.04	0.01
MKV	8.90	-8.25%	-0.01	0.00
AME	4.60	-8.00%	-0.09	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.3	1.7%	1.4	95,095	540.2	2,978	21.6		47.9%	
KBC	Bất động sản	25.3	3.5%	1.3	19,382	85.4	1,629	15.5		17.7%	
KDH	Bất động sản	29.4	0.5%	1.2	29,728	93.6	896	32.8		35.5%	
PDR	Bất động sản	17.2	2.7%	1.5	15,604	125.9	180	95.7	23,600	9.7%	Link
VHM	Bất động sản	67.4	-1.5%	1.0	276,840	359.9	7,766	8.7	81,300	10.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	119.0	3.1%	0.8	176,278	1018.0	5,613	21.2	136,500	40.6%	Link
BSR	Dầu khí	19.5	5.4%	0.0	60,460	170.6	(37)	-530.5		0.2%	
PVS	Dầu khí	36.8	5.8%	1.5	17,589	442.1	2,303	16.0	38,600	14.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.7	2.0%	1.4	18,503	162.2	1,394	18.4		37.8%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.9	3.0%	1.2	47,029	437.8	1,545	15.4		34.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.9	1.6%	1.4	25,780	168.6	1,602	22.4		29.2%	
DCM	Hóa chất	35.3	3.4%	1.4	18,661	186.6	2,805	12.6	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	98.0	5.7%	1.5	37,218	478.1	8,224	11.9	109,300	14.7%	Link
ACB	Ngân hàng	21.3	1.2%	0.9	109,411	206.2	3,224	6.6	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	35.9	0.8%	1.0	251,716	96.8	3,643	9.8	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	40.3	1.0%	1.2	216,411	246.7	4,806	8.4	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	21.8	0.7%	1.1	76,018	240.2	3,985	5.5	26,400	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	25.1	1.0%	1.0	153,167	574.0	4,049	6.2	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	2.1%	1.1	31,720	254.4	2,150	5.7	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	45.5	1.3%	1.1	85,777	362.0	5,767	7.9		20.4%	
TCB	Ngân hàng	32.3	3.5%	1.1	228,195	860.8	3,013	10.7	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.3	0.8%	1.1	35,138	114.6	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.6	0.7%	0.8	472,931	261.7	4,063	13.9	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.3	2.2%	1.0	54,518	115.0	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	3.6%	0.9	149,158	1336.5	2,030	9.3	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	1.3%	1.3	171,100	854.2	1,954	13.7	35,800	21.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.7	2.5%	1.5	10,370	130.1	749	22.3	16,800	8.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	30.8	1.3%	1.5	10,291	265.9	3,930	7.8	32,200	3.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	66.8	2.1%	1.3	96,082	525.0	1,518	44.0	82,500	24.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.3	1.4%	0.7	117,664	265.6	4,194	13.4		48.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.5	0.37%	1.5	8,865	116.7	2,098	19.3	21.8%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	173.9	1.64%	0.9	23,693	38.5	3,279	53.0	32.7%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	51.6	4.67%	1.2	38,304	40.1	2,975	17.3	27.2%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.2	2.69%	1.5	11,119	149.5	303	56.7	3.7%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.0	1.27%	1.6	16,251	181.0	310	51.5	23.8%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	24.9	1.63%	1.3	4,441	50.0	443	56.3	3.0%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.5	0.41%	1.4	9,064	65.1	762	32.1	20.1%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	40.9	1.49%	1.4	13,497	37.7	4,982	8.2	17.3%	31.2%	
NLG	Bất động sản	38.0	1.47%	1.4	14,633	62.8	1,827	20.8	46.1%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	64.9	0.78%	0.0	13,664	27.2	6,076	10.7	4.5%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.0	1.54%	1.2	5,940	25.9	2,036	16.2	2.2%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.5	2.10%	1.4	12,997	100.2	1,279	15.2	10.0%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	85.4	-0.12%	1.0	326,541	220.2	2,823	30.3	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.5	-0.20%	0.9	55,672	158.7	1,844	13.3	18.2%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.8	4.99%	1.3	7,776	95.9	1,654	22.3	36.3%	12.5%	
PLX	Dầu khí	40.3	6.90%	1.1	51,205	228.8	1,535	26.3	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	21.9	6.85%	1.3	12,146	443.6	1,246	17.5	4.9%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.4	2.39%	1.5	12,249	83.4	1,650	22.1	27.6%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.1	2.65%	1.6	15,522	60.0	1,650	16.4	6.7%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.9	6.99%	1.1	161,410	222.4	4,543	15.2	1.8%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	1.95%	1.3	30,561	98.3	546	23.9	3.5%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.2	3.28%	0.8	37,483	78.4	3,922	17.6	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	87.8	-0.23%	0.7	47,553	65.2	2,783	31.6	12.1%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.0	3.24%	1.4	31,584	268.2	1,954	17.9	8.9%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.6	1.80%	1.2	23,783	106.2	3,797	14.9	40.2%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.9	1.43%	1.3	9,210	239.9	5,594	12.7	6.2%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.0	4.83%	1.2	8,883	129.7	3,026	8.2	10.4%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	121.0	2.54%	0.0	14,736	107.1	3,235	37.4	6.1%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	82.0	5.13%	1.2	27,708	137.0	6,105	13.4	48.8%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.0	0.52%	1.0	3,244	49.9	2,608	11.1	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.6	1.09%	1.6	2,280	11.5	2,580	7.2	16.1%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	36.4	2.11%	1.2	14,225	217.1	1,223	29.7	7.2%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	28.0	2.94%	1.4	112,000	43.9	1,174	23.8	0.9%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	23.3	2.87%	1.1	43,401	724.4	1,856	12.6	5.3%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.7	0.16%	0.5	94,547	60.0	3,333	9.5	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.7	1.52%	0.0	22,853	27.3	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.5	1.33%	1.0	28,233	67.3	1,189	9.6	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.2	1.15%	1.5	5,886	63.7	1,122	11.7	5.0%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.6	3.43%	1.5	4,420	34.4	612	27.1	1.1%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.9	2.43%	0.7	10,914	208.4	1,404	25.6	2.3%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.6	0.92%	0.7	63,551	55.4	3,217	15.4	59.0%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.6	1.68%	1.3	12,255	36.2	5,567	9.8	22.0%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	136.6	0.07%	0.9	11,182	24.0	13,288	10.3	85.5%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.0	2.24%	1.4	8,194	78.9	3,238	25.3	48.6%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	100.8	4.46%	1.3	11,530	152.8	4,754	21.2	9.4%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.2	1.69%	1.6	4,254	60.1	2,336	18.1	7.5%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	1.24%	1.4	5,780	49.4	1,091	11.2	9.9%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.3	1.60%	1.2	7,958	21.9	1,237	18.0	16.7%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.2	2.28%	1.3	13,027	116.9	915	22.0	6.7%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.7	0.58%	1.4	19,570	23.5	2,720	16.1	5.6%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>